

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết về chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị quyết về chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non (GVMN) đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII có đề cập: Ngân sách nhà nước cung cấp một khoản trợ cấp cho người cao tuổi không có lương hưu... Thực hiện điều chỉnh trợ cấp hưu trí xã hội theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; quan tâm điều chỉnh thỏa đáng đối với nhóm đối tượng có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995 nhằm thu hẹp khoảng cách chênh lệch lương hưu giữa người nghỉ hưu ở các thời kỳ.

Công văn số 1009/BC-UBTVQH15 ngày 16/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, trong đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nêu: việc ban hành chế độ cho GVMN đã công tác từ những năm 1960-1970 là hết sức cần thiết, thể hiện sự quan tâm cũng như sự ghi nhận của Nhà nước đối với sự cống hiến của đội ngũ GVMN trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Ủy ban Thường vụ Quốc hội kiến nghị Bộ GDĐT nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ ban hành chế độ, chính sách đối với GVMN nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc giao Bộ GDĐT chủ trì nghiên cứu tổng thể, đề xuất chế độ cho GVMN nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ tại Thông báo số 333/TB-VPCP ngày 02/8/2017.

Điểm a khoản 2 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị quyết để: “Giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và để áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể

thuộc thẩm quyền của Chính phủ; ...”. Đối với việc quy định chế độ trợ cấp GVMN nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ, đây là nhiệm vụ mà Quốc hội, Chính phủ rất quan tâm, chỉ đạo Bộ GDĐT khẩn trương triển khai trong thời gian qua; rất nhiều giáo viên mầm non trước đây đã gửi đơn kiến nghị đến các cơ quan đề nghị giải quyết; những giáo viên này tuổi ngày càng cao, thời gian qua nhiều người cũng đã mất, việc chứng minh thời gian công tác để làm căn cứ chi trả chế độ ngày càng khó, nên việc ban hành chính sách cho đội ngũ này hết sức cấp bách và cần thiết; đối tượng được hưởng chính sách là những giáo viên cũ, việc chi trả chế độ này không kéo dài mà chỉ thực hiện một lần duy nhất đối với mỗi cá nhân và thực hiện trong giới hạn thời gian nhất định.

Do đó, việc quy định chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ là biện pháp để giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và để áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể. Vì vậy, việc Chính phủ ban hành Nghị quyết về chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Qua số liệu báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cả nước có trên 120.000 giáo viên mầm non đã công tác chưa được hưởng chế độ, trong đó tập trung ở các tỉnh từ Quảng Bình (cũ) trở ra bắc. Những giáo viên này đã tham gia giảng dạy, làm việc tại các nhà trẻ, lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng ở các đội sản xuất, hợp tác xã, nông trường, lâm trường, xí nghiệp... thuộc các xã, phường, thôn, làng, bản, nông lâm trường...; đối tượng giảng dạy là con em của xã viên, công nhân, cán bộ, chiến sĩ tham gia kháng chiến, lao động... Nhiều giáo viên vào ngành những năm 1960, có thời gian công tác từ 20 đến 30 năm. Các giáo viên mầm non thời kỳ này đều được trả công bằng thóc (những năm 1980 được trả khoảng 10 kg thóc/tháng, những năm 1990 được trả khoảng 20 kg thóc/tháng) hoặc thù lao do cha mẹ trẻ em tự nguyện đóng góp (những năm 1990 được trả thù lao khoảng 40.000 - 50.000 đ/tháng). Những giáo viên này khi nghỉ công tác không được hưởng bất kỳ chế độ, chính sách nào của nhà nước mặc dù có thời gian công tác, cống hiến với nghề, với trẻ và trải qua những thời điểm khó khăn, đau thương nhất của đất nước khi hai miền đất nước bị chia cắt. Trong khi một số đối tượng có thời gian tham gia chiến đấu, sản xuất trong giai đoạn đất nước còn chiến tranh đã được Nhà nước quan tâm giải quyết chế độ, chính sách.

Mặc dù, ngày 18/8/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 45/2011/QĐ-TTg về quy định hỗ trợ một phần kinh phí đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với giáo viên mầm non có thời gian công tác từ trước năm 1995 nhưng chưa đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, tuy nhiên vì nhiều lý do mà nhiều giáo viên chưa được đóng bù hoặc đóng bù vẫn không đủ điều kiện để hưởng lương hưu... Ngày 24/01/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2020/NĐ-CP quy định

chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu, tuy nhiên, Nghị định này chỉ áp dụng cho những nhà giáo nghỉ hưu trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/1994 đến ngày 31/5/2011. Do đó, nhiều giáo viên mầm non đã nghỉ hưu công tác trước năm 1995 không đủ điều kiện để được hưởng chế độ trợ cấp theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP.

Trên cơ sở các căn cứ vừa nêu, Bộ GDĐT đề xuất xây dựng Nghị quyết về chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Cụ thể hóa sự quan tâm của Đảng, Chính phủ đối với đội ngũ giáo viên mầm non đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ.

Tạo khung khổ pháp lý để các địa phương thực hiện chi trả chế độ cho đội ngũ giáo viên mầm non đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ.

Nhằm động viên đội ngũ giáo viên mầm non đã có nhiều cống hiến trong những năm tháng khó khăn của đất nước, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Xây dựng Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật.

Việc quy định hồ sơ, quy trình, thủ tục giải quyết chế độ đối với đội ngũ này phải bảo đảm chặt chẽ tránh trục lợi chính sách, nhưng cũng không gây khó khăn, phức tạp, phiền hà cho đội ngũ này khi thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Ngày 2/5/2025, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đã đồng ý bổ sung việc xây dựng Nghị quyết của Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ vào Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và giao Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu soạn thảo văn bản nêu trên theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm chất lượng (tại Công văn số 4283/VPCP-KGVX).

Quá trình xây dựng Nghị quyết tuân thủ đúng quy định về soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử để lấy ý kiến rộng rãi; đã được các Bộ, ngành có liên quan, các CSGD, địa phương. Hội đồng thẩm định đã có Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP, trong đó

Sau khi thẩm định, Bộ GDĐT đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình Chính phủ hồ sơ Nghị quyết (Tờ trình sốTTr-BGDĐT ngày.....).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non (bao gồm giáo viên, cô nuôi dạy trẻ, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ nhiệm nhà trẻ, phó chủ nhiệm nhà trẻ) đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Giáo viên mầm non đáp ứng đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã có thời gian tham gia công tác (bao gồm thời gian giảng dạy, giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ) tại nhà trẻ, lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non) ở các xã, phường, khu phố, thôn, làng, bản, nông lâm trường, đội sản xuất, hợp tác xã, nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, xí nghiệp, cơ quan ... trong giai đoạn từ năm 1960 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 1995;

- Đã nghỉ công tác nhưng chưa được hưởng lương hưu hoặc có được hưởng lương hưu nhưng thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo quy định tại điểm a khoản này không được tính vào thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để hưởng lương hưu;

- Chưa hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu.

b) Ủy ban nhân dân các cấp.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Nghị quyết 09 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức trợ cấp

Điều 4. Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp

Điều 5. Quy trình và thời hạn giải quyết chế độ trợ cấp

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

3. Nội dung cơ bản

3.1. Về thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Căn cứ Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Thực hiện hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Công văn số 1009/BC-UBTVQH15 và kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Thông báo số 333/TB-VPCP.

3.2. Về vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp

a) Vấn đề chưa được pháp luật quy định

(i) Thứ nhất, về đối tượng được hưởng trợ cấp

Đề xuất nội dung quy định: Giáo viên, cô nuôi dạy trẻ, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ nhiệm nhà trẻ, phó chủ nhiệm nhà trẻ (sau đây gọi chung là giáo viên mầm non) đáp ứng đồng thời tất cả các điều kiện sau: (1) Đã có thời gian tham gia công tác (bao gồm thời gian giảng dạy, giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ) tại nhà trẻ, lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non) ở các xã, phường, khu phố, thôn, làng, bản, nông lâm trường, đội sản xuất, hợp tác xã, nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, xí nghiệp, cơ quan ... trong giai đoạn từ năm 1960 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 1995; (2) Đã nghỉ công tác nhưng chưa được hưởng lương hưu hoặc có được hưởng lương hưu nhưng thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 theo quy định tại điểm a khoản này không được tính vào thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để hưởng lương hưu; (3) Chưa hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu.

Giải trình:

Về mốc thời gian 1960: Qua rà soát các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ, thì năm 1960 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 05 năm lần thứ nhất, cũng là năm đầu tiên Trung ương chỉ đạo về việc phát triển các lớp mẫu giáo, lớp vỡ lòng. Cụ thể, tại Báo cáo bổ sung tại Đại hội toàn quốc lần thứ III của Ban Chấp hành Trung ương ngày 07/9/1960 có nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục là **“phát triển và củng cố chất lượng các lớp mẫu giáo, vỡ lòng nhằm thu hút hết các trẻ em đến tuổi đi học”**.

Về mốc thời gian ngày 01/01/1995: Qua rà soát thì Bộ GD&ĐT phối hợp Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện truy thu bảo hiểm xã hội đối với người lao động đã có thời gian làm việc liên tục tại các cơ sở giáo dục mầm non từ tháng 01/1995 đến khi tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH ngày 22/3/2004).

Đồng thời, ngày 01/01/1995 là thời điểm mà Nghị định số 12/CP về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội có hiệu lực thi hành, đây là văn bản đầu tiên có quy định về việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, là căn cứ để tính thời gian được hưởng lương hưu khi giáo viên nghỉ hưu.

(ii) Thứ hai, về đối mức hưởng trợ cấp

Đề xuất nội dung quy định:

(1) Giáo viên có giấy tờ chứng minh được thời gian công tác

- Có thời gian công tác từ đủ 03 năm (36 tháng) trở xuống tại cơ sở giáo dục mầm non thì được hưởng mức trợ cấp bằng 6.500.000 đồng;
- Có thời gian công tác trên 03 năm, thì từ năm thứ 4 trở đi cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) được cộng thêm 800.000 đồng.

Khi tính thời gian thực hiện chế độ trợ cấp một lần, nếu có tháng lẻ thì cứ đủ 01 tháng (30 ngày) thì mỗi tháng được cộng thêm 67.000 đồng. Số ngày công tác còn dư không đủ 01 tháng không được hưởng.

(2) Trường hợp không xác định cụ thể thời gian tham gia công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non hoặc không có giấy tờ theo quy định để chứng minh đã có thời gian công tác hoặc đã hưởng trợ cấp một lần đối với thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 hoặc được hưởng lương hưu nhưng thời gian công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 không được tính vào thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để hưởng lương hưu thì được hưởng mức trợ cấp một lần bằng 6.500.000 đồng.

(3) Trường hợp vừa có giai đoạn xác định được thời gian công tác vừa có giai đoạn không xác định được thời gian công tác, thì tổng thời gian của các giai đoạn xác định được thời gian công tác được tính làm căn cứ để hưởng chế độ.

(4) Trường hợp nhà giáo đã từ trần hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì thân nhân hoặc người giám hộ của giáo viên sẽ được hưởng mức trợ cấp này.

Giải trình:

Hiện nay, một số đối tượng tham gia chiến đấu, sản xuất trong giai đoạn đất nước còn chiến tranh đã được Nhà nước quan tâm giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần với mức tiền cụ thể. Ví dụ như: Theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/07/2011 thì thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến 02 năm đầu được hưởng mức trợ cấp 2.500.000 đồng (tương đương 3 lần mức lương cơ sở tại thời điểm đó) mỗi năm tăng 800.000 đồng; theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 thì người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc nếu có thời gian công tác từ 02 năm trở lên thì được hưởng mức trợ cấp 2.500.000 đồng (tương đương 3 lần mức lương cơ sở tại thời điểm đó) mỗi năm tăng 800.000 đồng...

Như vậy, theo các quy định trên thì những người có công sau 02 năm đầu tiên công tác sẽ được hưởng mức tương đương 03 lần mức lương cơ sở tại thời điểm đó và sau đó mỗi năm tăng thêm 800.000 đồng. Với quan điểm khi xây dựng Nghị quyết là chế độ trợ cấp đối với đội ngũ giáo viên mầm non đã nghỉ công tác được chi trả tương tự như người có công, nhưng mức thấp hơn, do đó, Bộ GDĐT đề xuất phương án 03 năm đầu tiên công tác được hưởng mức tương đương 2,5 lần mức lương cơ sở tại thời điểm này (tính ra khoảng 6.500.000 đồng) và sau đó mỗi năm tăng thêm 800.000 đồng.

Đánh giá tác động: Ngân sách nhà nước cần bổ sung khoảng 1.200 tỷ đồng (một nghìn hai trăm tỷ đồng).

(iii) Thứ ba, về hồ sơ, quy trình và thời hạn giải quyết chế độ trợ cấp

Đề xuất nội dung quy định:

a) Về thành phần hồ sơ

- Trường hợp có hồ sơ, giấy tờ chứng minh đã có thời gian công tác, hồ sơ gồm: Bản khai của giáo viên mầm non (hoặc thân nhân, người giám hộ); các hồ sơ, giấy tờ chứng minh đã có thời gian công tác;

- Trường hợp không có hồ sơ, giấy tờ mà có người làm chứng, hồ sơ gồm: Bản khai của giáo viên mầm non (hoặc thân nhân, người giám hộ); Bản xác nhận của 02 người làm chứng;

- Trường hợp không có hồ sơ, giấy tờ và không có người làm chứng thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giáo viên từng có thời gian công tác, hồ sơ gồm: Bản khai của giáo viên mầm non (hoặc thân nhân, người giám hộ); Đơn đề nghị có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giáo viên từng có thời gian công tác.

b) Quy định chi tiết hồ sơ, quy trình và thời hạn giải quyết chế độ trợ cấp đối với từng trường hợp cụ thể:

- Trường hợp có đủ hồ sơ, giấy tờ chứng minh thời gian công tác thì giáo viên (hoặc thân nhân, người giám hộ) chỉ cần làm đơn đề nghị, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đăng ký thường trú) giải quyết chế độ.

- Trường hợp không có hồ sơ, giấy tờ chứng minh thời gian công tác thì cần có văn bản làm chứng 02 người (người từng quản lý, công tác, người học, đồng nghiệp...) sau đó giáo viên (hoặc thân nhân, người giám hộ) làm đơn đề nghị, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đăng ký thường trú) giải quyết chế độ.

- Trường hợp không có hồ sơ, giấy tờ và không có người làm chứng thì giáo viên (hoặc thân nhân, người giám hộ) phải có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giáo viên từng có thời gian công tác, sau đó giáo viên (hoặc thân nhân, người giám hộ) làm đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đăng ký thường trú) giải quyết chế độ. Việc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giáo viên đã từng

công tác phải được thực hiện sau khi hoàn thành thủ tục công khai, niêm yết thông tin về quá trình công tác của giáo viên tại trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ, thôn, xóm... nơi cơ sở giáo dục mầm non từng đóng trên địa bàn.

- Đối với giáo viên mầm non đã từ trần hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì thân nhân hoặc người giám hộ của giáo viên theo quy định của pháp luật về dân sự được làm hồ sơ đề nghị và hưởng chế độ trợ cấp như đối với giáo viên.

Giải trình:

Như trình bày ở trên, khi giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng tham gia chiến đấu, sản xuất trong giai đoạn đất nước còn chiến tranh thù Chính phủ đã quy định chi tiết hồ sơ, quy trình và thời hạn giải quyết chế độ trợ cấp.

(iv) Thứ tư, về kinh phí thực hiện

Đề xuất nội dung quy định: Thực hiện theo Luật Ngân sách (ngân sách do địa phương chi trả, ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ đối với các địa phương khó khăn hoặc không cân đối được ngân sách).

Giải trình:

Theo quy định của Luật Ngân sách thì Ngân sách địa phương sử dụng để chi bảo đảm xã hội và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; ngân sách Trung ương sẽ hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ địa phương theo quy định. Ngoài ra, theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thì nguồn kinh phí để chi trả chế độ cho một số đối tượng bảo trợ xã hội do địa phương tự cân đối, trong trường hợp cần thiết thì ngân sách trung ương hỗ trợ.

Đánh giá tác động: Làm phát sinh kinh phí khoảng 1.200 tỷ đồng (một nghìn hai trăm tỷ đồng), kinh phí này dự kiến chi trả 01 lần.

b) Vấn đề đã có quy định nhưng chưa phù hợp

Không có

3.3. Về vướng mắc, bất cập từ thực tiễn

Như đã trình bày ở trên, số lượng lớn giáo viên mầm non có thời gian công tác, giảng dạy, nuôi dưỡng trẻ từ những năm 1860-1970 đã nghỉ công tác nhưng chưa được hưởng chế độ; trong khi đó đa số các đối tượng có công với đất nước đã được Nhà nước quan tâm, giải quyết chế độ, chính sách, trong khi đó đội ngũ giáo viên mầm non nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ thì chưa được giải quyết chế độ, chính sách.

3.4. Về nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Nghị quyết có phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến hồ sơ, quy trình giải quyết chế độ trợ cấp.

3.5. Về nội dung phân quyền, phân cấp

Nghị quyết quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giải quyết chế độ trợ cấp cho giáo viên mầm non, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị quyết quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp.

3.6. Các vấn đề còn ý kiến khác nhau: Không có

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUÁ/BAN HÀNH

Ngân sách Trung ương cần bổ sung khoảng 1.200 tỷ đồng (một nghìn hai trăm tỷ đồng).

(Chi tiết tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách)

*** Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ GDĐT đã tiếp thu, giải trình đầy đủ và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết. Bộ GDĐT xin chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ về đề xuất xây dựng Nghị quyết nêu trên, kính trình Chính phủ xem xét thông qua toàn văn dự thảo Nghị quyết.**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết về chế độ trợ cấp đối với giáo viên mầm non đã nghỉ công tác chưa được hưởng chế độ, Bộ GDĐT xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; (5) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (6) Bảng thuyết minh nội dung quy định)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Minh Sơn

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN MẦM NON NGHỈ CÔNG TÁC CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tỉnh/Thành phố	Tổng số giáo viên	Tổng số tiền hưởng	Số năm công tác																	
				Dưới 3		3≤4		4≤5		5≤6		6≤7		7≤8		8≤9		9≤10		Trên 10	
				Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng	Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng	Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng	Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng	Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng	Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng	Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng	Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng	Số lượng giáo viên	Số tiền hưởng
1	Đắk Lắk	239	2451	45	293	15	110	15	122	22	196	15	146	11	116	7	79	18	218	91	1174
2	Đồng Nai	6	65	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	65
3	Lâm Đồng	28	304	3	20	1	7	1	8	5	45	3	29	2	21	2	23	4	48	8	103
4	Lạng Sơn	81	888	10	65	3	22	3	24	7	62	5	49	4	42	2	23	6	73	41	529
5	Phú Thọ	22112	194428	8059	52384	2686	19608	2686	21757	1325	11793	883	8565	662	6951	442	4995	1104	13358	4265	55019
6	Tuyên Quang	3369	30077	1088	7072	362	2643	362	2932	310	2759	206	1998	155	1628	103	1164	258	3122	524	6760
7	Nghệ An	19126	217918	453	2945	151	1102	151	1223	2854	25401	1902	18449	1427	14984	951	10746	2378	28774	8860	114294
8	Gia Lai	23	247	3	20	1	7	1	8	2	18	2	19	1	11	1	11	2	24	10	129
9	Bắc Ninh	8564	86921	1490	9685	494	3606	494	4001	1039	9247	693	6722	520	5460	346	3910	866	10479	2621	33811
10	Quảng Ngãi	711	7854	77	501	26	190	26	211	67	596	44	427	33	347	22	249	56	678	361	4657
11	Quảng Trị	3729	38439	544	3536	181	1321	181	1466	504	4486	336	3259	252	2646	168	1898	420	5082	1143	14745
12	Hà Tĩnh	9046	95868	1281	8327	426	3110	426	3451	961	8553	640	6208	480	5040	320	3616	801	9692	3711	47872
13	Lai Châu	58	620	6	39	2	15	2	16	10	89	6	58	5	53	3	34	8	97	17	219
14	Sơn La	622	5479	226	1469	76	555	76	616	38	338	25	243	18	189	13	147	31	375	120	1548
15	Hải Phòng	28538	260711	9098	59137	3033	22141	3033	24567	2071	18432	1381	13396	1035	10868	690	7797	1726	20885	6472	83489
16	Thanh Hóa	3522	38942	277	1801	93	679	93	753	441	3925	294	2852	221	2321	147	1661	368	4453	1589	20498
17	Lào Cai	860	6003	516	3354	172	1256	172	1393	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Ninh Bình	12178	130647	1380	8970	459	3351	459	3718	1505	13395	1003	9729	753	7907	502	5673	1254	15173	4863	62733
19	Đà Nẵng	3138	39768	49	319	16	117	16	130	27	240	18	175	14	147	9	102	23	278	2966	38261
20	Quảng Ninh	1434	15252	191	1242	63	460	63	510	162	1442	108	1048	81	851	54	610	135	1634	578	7456
21	Hà Nội	4953	57122	362	2353	121	883	121	980	376	3346	251	2435	188	1974	125	1413	313	3787	3097	39951
22	Khánh Hòa	125	1089	45	293	15	110	15	122	11	98	7	68	5	53	4	45	9	109	15	194
		122462	1231091	25203	163820	8396	61291	8396	68008	11737	104458	7822	75873	5867	61604	3911	44194	9780	118338	41357	765105